

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**GHI TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN MÔN HỌC**

**ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ III, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Quản trị tài chính		
Mã học phần:	71TOUR30153	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71TOUR30153		
Hình thức thi: <b>Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>90</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Được xem tài liệu file cứng và file mềm, không được trao đổi và tìm kiếm tài liệu trên mạng

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TUL\_De 1

+ **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TUL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Phân tích các hoạt động tài chính hàng ngày của doanh nghiệp du lịch - khách sạn – nhà hàng	Thi tự luận	30%	Câu 3	4đ	PLO4
CLO3	Phân tích báo cáo tài chính để biết tình trạng tài chính của doanh nghiệp du lịch - khách sạn – nhà hàng	Thi tự luận	20%	Câu 2	3đ	PLO7
CLO4	Áp dụng những công cụ, biện pháp đánh giá dự án đầu tư	Thi tự luận	50%	Câu 1	3đ	PLO8

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

## III. Nội dung câu hỏi thi

**Đề thi lần 2****Câu hỏi 1: (2 điểm)**

Trong năm tài chính vừa qua, Khách sạn Sao Mai đã đạt được doanh thu 30.5 triệu USD và tỷ suất lợi nhuận gộp là 40%. Số dư hàng tồn kho cuối quý như sau:

Quý	Hàng tồn kho
1	\$300,000
2	\$400,000
3	\$600,000
4	\$900,000

Yêu cầu:

- a / Tính vòng quay hàng tồn kho của tổng công ty và số ngày tồn kho bình quân?  
 b / Nhận xét về khả năng thanh khoản của Khách sạn Sao Mai, giả sử hầu hết các đối thủ cạnh tranh đều ghi nhận vòng quay hàng tồn kho là 45?

**Câu hỏi 2: (4 điểm)**

Bộ phận tiếp thị của Tổng Công ty Du lịch Bến Thành đã dự kiến doanh số bán hàng sau đây trong sáu tháng cuối năm tài chính hiện tại.

Công ty du lịch Bến Thành dự kiến doanh thu (tính bằng \$ 000)						
	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Tour	\$ 252	\$ 356	\$ 456	\$ 852	\$ 789	\$ 569
Phòng	\$ 1,121	\$ 1,423	\$ 1,563	\$ 1,528	\$ 5,360	\$ 5,680

Hầu hết doanh số bán hàng của Công ty Du lịch Bến Thành được thực hiện cho các khách hàng doanh nghiệp. Kinh nghiệm trong quá khứ chỉ ra rằng 25% doanh thu bán tour là tiền mặt, 30% được thu vào tháng sau khi bán, 45% được thu vào hai tháng sau khi bán. Trước đây, 40% tiền bán phòng là tiền mặt, 50% được thu vào tháng sau khi bán, 10% được thu vào hai tháng sau khi bán. Chuẩn bị một lịch trình hiển thị các khoản thu tiền mặt dự kiến của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành vào tháng 9, 10, 11 và 12?

**Câu hỏi 3: (4 điểm)**

Giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến vốn lưu động của doanh nghiệp hoạt động trong ngành du lịch. Cho ví dụ chứng minh.

**ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM**

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án			Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Tự luận</b>					
<b>Câu 1</b>				<b>2</b>	
vòng quay hàng tồn	Doanh thu	\$ 30,500,000		1.5	
	Tỷ suất lợi nhuận gộp	40%			
	Lợi nhuận gộp	\$ 12,200,000			
	Giá vốn hàng bán	\$ 18,300,000			

kho và số ngày tồn kho bình quân ?	Tồn kho trung bình	\$ 550,000							
	Vòng quay hàng tồn kho	33.27							
	số ngày tồn kho bình quân	10.97							
b / Nhận xét về khả năng than h khoản	<b>Vòng quay hàng tồn kho của đối thủ = 45 &gt; Vòng quay hàng tồn kho của KS Sao Mai</b> → khả năng thanh khoản của Khách sạn Sao Mai kém hơn so với đối thủ						0.5		
<b>Câu 2</b>							<b>4.0</b>		
<b>Tổng chi phí và CP trung bình Doanh thu</b>	<b>Tổng công ty du lịch Bến Thành dự kiến doanh thu (tính bằng \$ 000)</b>						4.0		
		Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11			Tháng 12
	Tour du lịch	\$252.0 0	\$356.0 0	\$456.0 0	\$852.0 0	\$789.0 0			\$569.0 0
	Tiền mặt (T0)	\$63.00	\$89.00	\$114.0 0	\$213.0 0	\$197.2 5			\$142.2 5
	Khoản phải thu (T+1)		\$75.60	\$106.8 0	\$136.8 0	\$255.6 0			\$236.7 0
	Khoản phải thu (T+2)			\$113.4 0	\$160.2 0	\$205.2 0			\$383.4 0
	Tổng tại T0			\$334.2 0	\$510.0 0	\$658.0 5			\$ 762. 35

	Phòng	\$1,121 .00	\$1,423 .00	\$1,563 .00	\$1,528 .00	\$5,360 .00	\$5,680 .00		
	Tiền mặt (T0)	\$448.4 0	\$569.2 0	\$625.2 0	\$611.2 0	\$2,144 .00	\$2,272 .00		
	Khoản phải thu (T+1)		\$560.5 0	\$711.5 0	\$781.5 0	\$764.0 0	\$2,680 .00		
	Khoản phải thu (T+2)			\$112.1 0	\$142.3 0	\$156.3 0	\$152.8 0		
	Tổng tại T0			\$1,448 .80	\$1,535 .00	\$3,064 .30	\$5,104 .80		
	<b>Tổng doanh thu tại T0</b>			<b>\$1,783 .00</b>	<b>\$2,045 .00</b>	<b>\$3,722 .35</b>	<b>\$5,867 .15</b>		
	Tổng vốn lưu động của tour du lịch, mỗi tháng 0.5đ								
	Tổng vốn lưu động của phòng, mỗi tháng 0.5đ								
<b>Câu 3</b>								<b>4.0</b>	
Giải thích về các yếu tố ảnh hưởng	Giải thích và cho ví dụ về các yếu tố ảnh hưởng <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Độ dài chu kỳ hoạt động</li> <li>2. Tính chất của công việc kinh doanh</li> <li>3. Quy mô của doanh nghiệp</li> <li>4. Chu kỳ kinh doanh</li> <li>5. Tính chất mùa vụ</li> <li>6. Công nghệ kỹ thuật và vòng đời của SP</li> <li>7. Hạn mức tín dụng</li> <li>8. Số tiền có sẵn</li> <li>9. Hiệu quả hoạt động</li> <li>10. Sức mạnh của đối thủ cạnh tranh</li> <li>11. Lạm phát</li> </ol> Triển vọng tăng trưởng							3.0	Giải thích mỗi yếu tố 0.25 đ.
	Cho vd phù hợp của 12 yếu tố							1.0	Mỗi 3 ví dụ

			đượ c 0.25 đ
		<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>

**Người duyệt đề**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2024*  
**Giảng viên ra đề**



**TS. Trịnh Thị Thúy**